

Số: 26/2018/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn (sau đây gọi chung là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận, chỉ định hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;
2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, sử dụng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được quy định tại Thông tư số 22/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
3. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định tại Thông tư này.
2. Cục An toàn lao động và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là tổ chức được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định, thừa nhận hoặc đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

2. Phương thức đánh giá sự phù hợp

a) Việc đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo phương thức 5, 7 và 8 quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Đối với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, không quy định phương thức chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 thì thực hiện theo

quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Công bố hợp quy

1. Các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phải được công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

2. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục công bố hợp quy, trách nhiệm của tổ chức công bố hợp quy được thực theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 đăng ký công bố hợp quy tại Cục An toàn lao động.

4. Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 công bố hợp quy thông qua hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu.

5. Dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp cho sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp quy hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp quy gắn cho sản phẩm, hàng hóa được công bố hợp quy sau khi đã đăng ký công bố hợp quy. Dấu hợp quy có hình dạng, kích thước và thông tin theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp

1. Trường hợp công bố hợp quy sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật hoặc được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Đối với các phép thử mà chưa có điều kiện để thử nghiệm tại phòng thử nghiệm ở Việt Nam, tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định, cấp Giấy chứng nhận có thể xem xét thừa nhận, sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm tại nước ngoài.

3. Việc thừa nhận, sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm tại nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4. Trong trường hợp phải áp dụng thừa nhận, sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm tại nước ngoài, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thực

hiện giám sát và chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận, giám định của mình. Trong trường hợp cần thiết, Cục An toàn lao động tổ chức kiểm tra việc thừa nhận, sử dụng kết quả thử nghiệm của các tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Chương 2

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT

Điều 7. Căn cứ để cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa xem xét, tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

1. Thông tin, cảnh báo về hàng hóa xuất khẩu không phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 32 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
2. Kết quả khảo sát hoặc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường của cơ quan kiểm tra phát hiện hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
3. Thông tin xác thực của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phản ánh về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Nguyên tắc kiểm tra

1. Nghiêm chỉnh thực thi các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ngăn chặn và xử lý nghiêm vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ cơ sở sản xuất; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.
2. Bảo đảm minh bạch, khách quan, tuân theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.
3. Thực hiện kiểm tra trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định về nhãn và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất.
4. Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc kiểm tra đột xuất nếu có căn cứ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 7 Thông tư này.
5. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được tiến hành dưới hình thức đoàn kiểm tra do cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa quyết định thành lập.

Điều 9. Nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất, bao gồm:
 - a) Kiểm tra hồ sơ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (đối với các sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận và công bố hợp quy); hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với các sản phẩm, hàng hóa công bố hợp chuẩn); hồ sơ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (đối với sản phẩm áp dụng hệ

thống Quản lý chất lượng); Kiểm tra việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Kiểm tra việc ghi nhãn, nội dung thông tin cảnh báo (đối với các sản phẩm, hàng hóa có quy định về thể hiện thông tin cảnh báo); thể hiện dấu hợp quy (đối với sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận và công bố hợp quy), dấu hợp chuẩn (đối với sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn) và các tài liệu đi kèm sản phẩm cần kiểm tra;

c) Trường hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có quy định liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất thì kiểm tra việc thực hiện các quy định này trong quá trình sản xuất sản phẩm;

d) Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp khác của quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Kiểm tra việc thực hiện và kết quả đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất sản phẩm.

Kiểm tra công tác kiểm soát quá trình sản xuất của cơ sở sản xuất liên quan đến việc tạo thành sản phẩm và duy trì sự đảm bảo chất lượng bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm);

b) Kiểm tra toàn bộ hoặc một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất (từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm);

c) Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu (theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, việc sử dụng nguyên liệu bị cấm, nguyên vật liệu quá hạn sử dụng);

d) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;

e) Kiểm tra hồ sơ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật;

g) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm tra có thể sử dụng chuyên gia thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Chuyên gia đánh giá phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá của mình.

3. Thử nghiệm mẫu để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Trong quá trình kiểm tra tại cơ sở sản xuất, khi phát hiện sản phẩm có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng thì lấy mẫu sản phẩm để thử nghiệm. Việc lấy mẫu phục vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện như sau:

a) Mẫu được lấy theo phương pháp lấy mẫu quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trường hợp không có quy định về phương pháp lấy mẫu thì lấy mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên, đảm bảo mẫu là đại diện cho lô sản phẩm; Mỗi mẫu được chia làm hai đơn vị mẫu, một đơn vị đưa đi thử nghiệm và một đơn vị lưu tại cơ quan kiểm tra; Mẫu lưu sẽ được cơ quan kiểm tra thanh lý sau 03 tháng kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, xử lý và không có khiếu nại;